



Họ và tên:.....Lớp.....



Bài 1. Số thập phân 50,050 được viết dưới dạng gọn nhất là :

- A. 5,5 B. 50,5 C. 50, 05 D. 50,005

Bài 2. Số thập phân 0,300 được viết dưới dạng phân số thập phân là :

- A. $\frac{3}{10}$ B. $\frac{30}{100}$ C. $\frac{300}{1000}$ D. cả 3 đều đúng

Bài 3. Trong các số thập phân 86,42; 86,422; 686,42; 86,642. Số thập phân lớn nhất là :

- A. 86,42 B. 86,422 C. 686,42 D. 86,642

Bài 4. Cho các số thập phân sau: 95,6; 95,31; 941,5 ; 9,631. Số nhỏ nhất trong dãy số trên là:

- A. 95,6 B. 95,31 C. 941,5 D. 9,631

Bài 5. Cho các số: 1,604; 25,57; 12,32; 68,46; 77,62. Hãy chọn đáp số đúng trong các đáp số sau:

- A. $68,46 < 12,32 < 25,57 < 1,604 < 77,62$ B. $1,604 < 68,46 < 25,57 < 12,32 < 77,62$
C. $1,604 < 12,32 < 68,46 < 25,57 < 77,62$ D. $1,604 < 12,32 < 25,57 < 68,46 < 77,62$

Bài 6. Tìm số tự nhiên x, biết : $38,46 < x < 39,08$

- A. 38 B. 39 C. 40 D. 41

Bài 7. Các số sau đây được sắp xếp theo thứ tự từ bé đến lớn là :

5,017 ; 5,1 ; 5,028 ; 5,018; 5,039 ; 5,029

- A. 5,017; 5,018 ; 5,1; 5,028; 5,039; 5,029 B. 5,017; 5,018; 5,028 ; 5,1; 5,039; 5,029
C. 5,017; 5,018; 5,028; 5,029; 5,039; 5,1 D. 5,1; 5,017; 5,018; 5,028; 5,029; 5,039

Bài 8. Tìm chữ số a ,biết : $86,718 > 86,7a9$

- A. $a = 3$ B. $a = 2$ C. $a = 1$ D. $a = 0$

Bài 9. Đoạn đường từ nhà Nam đến trường dài 895m. Đoạn đường đó dài số ki - lô - mét là :

A. 89,5km

B. 8,95km

C. 0, 895km

D. 0,0895km

 **Bài 10.** Đoạn đường từ nhà Nam đến trường dài $4\frac{3}{100}$ km. Đoạn đường đó dài số mét là :

A. 402m

B. 430m

C. 4030m

D. 2300m

Bài 11. Đúng ghi Đ, sai ghi S

a) $12,30 = 123$

b) $12,30 = 12,300$

c) $20,08 = 20,080$

d) $20,08 = 200,800$



Bài 12. Đúng ghi Đ, sai ghi S

a) $\frac{2}{10} < 2$

b) $\frac{2}{10} = 0,2$

c) $\frac{152}{100} < 1,52$

d) $\frac{152}{100} > 1,52$

e) $1\frac{9}{100} < 1,9$

g) $1\frac{9}{100} > 1,9$

Bài 13. Viết số thập phân thích hợp vào chỗ chấm

5m 13cm = m

6dm 5cm = dm

12m 4dm = m

5dm 23mm = dm

4km 203m = km

6km 57m = km

102 m = km

7m 7cm = m

Bài 14. Viết số thích hợp vào chỗ chấm

21,55m = m cm

43,76m = m cm

6,54km = m

63,2km = m

Bài 15. Viết số thập phân hoặc số tự nhiên thích hợp vào chỗ chấm.

6km 123m = m

8,75km = m

9km 91dam = m

0,175km = m

4km 2hm = m

0,09km = m